TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2025/QĐST-DS	*TP. Thái Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng

2. Bà Trần Thị Hiền

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Hữu L1 - Văn phòng luật sư Phạm Hữu L1 và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh T.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn N1, xã P, thành phố T, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H là: Chị Đinh Thị H1, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn N1, xã P, thành phố T, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H: Luật sư Nguyễn Đình G - Văn phòng luật sư Đ và cộng sự.

Địa chỉ: Số 15-14, Tòa nhà T1, phường T2, quận H2, thành phố H3.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1947.

Nơi cư trú: Thôn N1, xã P, thành phố T, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D là: Luật sư Nguyễn Đình G - Văn phòng luật sư Đ và cộng sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Thôn N1, xã P, thành phố T, tỉnh T.

- Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1944.

Nơi cư trú: Số nhà 11/17/161, phố C, phường G1, quận N2, thành phố H4.

- Anh Nguyễn Bá N3, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số nhà 11/17/161, phố C, phường G1, quận N2, thành phố H4.

Người giám hộ của anh Nguyễn Bá N3 (anh N3 là người khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp xã hội) là bà Trịnh Thị B (mẹ đẻ của anh N3).

- Chị Nguyễn Thị Tuyết N4, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 2A/306 N2, phường V, quận N2, thành phố H4.

Nơi cư trú: Số nhà 11/17/161, phố C, phường G1, quận N2, thành phố H4.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà B, anh N3, chị N4: Anh Dương Ngọc H5, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 2A/306 N2, phường V, quận N2, thành phố H4.

Nơi cư trú: Số nhà 11/17/161, phố C, phường G1, quận N2, thành phố H4.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K1 (Nguyễn Văn B1) và cụ Nguyễn Thị V1 là quyền sử dụng 815m^2 đất, gồm 403,7m^2 đất (đất ở + đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 174 và 411,3m^2 đất (đất ở + đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 175, đều thuộc tờ bản đồ số 09, thôn N1, xã P, thành phố T, tỉnh T. Trong đó phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn K1 (Nguyễn Văn B1) đã hết thời hiệu là 407,5m^2, phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị V1 còn thời hiệu là 407,5m^2.

2.2. Chia cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 403,7m^2 đất (đất ở + đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 09, thôn N1, xã P, thành phố T, tỉnh T, có vị trí, kích thước như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất giao thông kích thước 3,27m + 13,64m.

Phía Đông Nam giáp phần đất ông H lấn xuống ao kích thước 15,39m.

Phía Tây Nam giáp đất ông Nguyễn Đình Đ1, bà Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Thế H6 kích thước 11,40m + 12,43m + 0,79m.

Phía Đông Bắc giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị D kích thước 9,32m + 13,57m + 2,63m.

2.3. Chia cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng 411,3m^2 đất (đất ở + đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 175, tờ bản đồ số 09, thôn N1, xã P, thành phố T, tỉnh T, có vị trí, kích thước như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất giao thông kích thước 16,50m.

Phía Đông Nam giáp phần đất bà D lấn xuống ao kích thước 15,42m.

Phía Tây Nam giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn H kích thước 9,32m + 13,57m + 2,63m.

Phía Đông Bắc giáp đất giao thông kích thước 15,62m + 9,98m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.4. Hạn mức đất ở của mỗi thửa đất do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D tự thỏa thuận với nhau theo quy định của pháp luật.

2.5. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D phải thanh toán suất thừa kế cho ông Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)* và thanh toán suất thừa kế của ông Nguyễn Văn N5 cho những người thừa kế của ông N5 là bà B, anh N3, chị N4 số tiền 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng) (mỗi người được hưởng số tiền là 133.333.000 đồng)*. Ông H và bà D đã thanh toán xong số tiền 600.000.000 đồng cho ông N, bà B, anh N3, chị N4 vào ngày 25/3/2025.

2.6. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.7. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản (đã thanh toán xong).

2.8. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D, bà Trịnh Thị B, anh Nguyễn Văn N6. Chị Nguyễn Thị Tuyết N4 phải nộp 6.666.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *Lưu: hồ sơ, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lý